

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 210/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 9- 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ

Ông Lê Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , Tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐHPT - ST ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lại Văn T ; Sinh năm 1991. Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị T ; Sinh năm 1992. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn P xã T , huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là anh Lại Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2011 tại UBND xã T , huyện T , tỉnh T . Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 6/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị T .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lại Gia L , sinh ngày 08/5/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị T và ông bà nội.

Nguyên vọng của anh T là yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng đã tự chia xong trước khi hòa giải nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa và tại bản tự khai bị đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 6/2018 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên yêu cầu ly hôn với tôi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lại Gia L , sinh ngày 08/5/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị T .

Nguyên vọng của chị T : Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Lại Gia L , sinh ngày 08/5/2012 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản: Vợ chồng đã tự chia xong trước khi hòa giải nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/5/2020 của con chung là cháu Lại Gia L trình bày: Nguyên vọng của cháu muốn ở với bố.

Tại Đơn xin trình bày nguyện vọng ngày 26/7/2020 của con chung là cháu Lại Gia L trình bày: Nguyên vọng của cháu muốn ở với mẹ vì bố hiện đi làm ngoài Thành phố H , không quan tâm chăm sóc đến cháu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lại Văn T và chị Lê Thị T là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Anh T yêu cầu ly hôn, chị T đồng ý ly hôn, chị T công nhận quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lại Gia L , sinh ngày 08/5/2012. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung nhưng HĐXX

thấy rằng: Từ khi anh chị sống ly thân cháu L ở với chị T và ông bà nội đang có cuộc sống và học tập ổn định; Hiện tại chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định còn anh T đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn HTTR, địa chỉ: 31 Đặng Trần C, phường Q, quận Đ, thành phố H; Mặt khác cháu L có nguyện vọng ở với mẹ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị T về mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng thì HĐXX thấy rằng: Anh T hiện tại nghề nghiệp là nhân viên bếp của Công ty TNHH HTTR, thu nhập bình quân 12.000.000đ/tháng nên HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng là phù hợp và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung thành niên. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung của vợ chồng: Ngày 30/7/2020 chị T có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng chị T và anh T đã tự chia xong tài sản chung và rút đơn yêu cầu chia tài sản trước khi hòa giải, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí DSST và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Trả lại cho chị T số tiền 8.550.000đ đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về hôn nhân: Căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử lý hôn giữa anh Lại Văn T và chị Lê Thị T.

Về con chung: Căn cứ vào điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao con chung là cháu Lại Gia L, sinh ngày 08/5/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Buộc anh Lại Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung thành niên.

Anh Lại Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc anh Lại Văn T phải chịu 300.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, tổng là 600.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2018/0007295 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án huyện T . Anh T phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

Trả lại cho chị T số tiền 8.550.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0006132 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án huyện T .

Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện T
- Các DS
- UBND xã T, huyện T, tỉnh T.
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng